

Số: 46 /QĐ-BNV

Hà Nội, ngày 16 tháng 04 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Điều lệ Hội Kiều học Việt Nam

BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ

Căn cứ Sắc lệnh số 102/SL-L004 ngày 20 tháng 5 năm 1957 ban hành Luật quy định quyền lập hội;

Căn cứ Nghị định số 48/2008/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;

Xét đề nghị của Chủ tịch Hội Kiều học Việt Nam và Vụ trưởng Vụ Tổ chức phi chính phủ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Điều lệ Hội Kiều học Việt Nam đã được Đại hội toàn thể hội viên lần thứ I (nhiệm kỳ 2011 - 2016) của Hội thông qua ngày 03 tháng 11 năm 2011 tại thành phố Hà Nội.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chủ tịch Hội Kiều học Việt Nam, Vụ trưởng Vụ Tổ chức phi chính phủ và Chánh Văn phòng Bộ Nội vụ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *U.S.L*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng Bộ Nội vụ (để báo cáo);
- Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch;
- Bộ Công an;
- Lưu: VT, TCPCP, N.

KT. BỘ TRƯỞNG

THỨ TRƯỞNG



Nguyễn Tiến Đình
Nguyễn Tiến Đình

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



ĐIỀU LỆ
HỘI KIỀU HỌC VIỆT NAM
được duyệt kèm theo Quyết định số 46/QĐ-BNV
ngày 04 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ)

Chương I
TÊN GỌI, TÔN CHỈ, MỤC ĐÍCH, PHẠM VI HOẠT ĐỘNG

Điều 1. Tên gọi

1. Tên tiếng Việt: Hội Kiều học Việt Nam.
2. Tên tiếng Anh: Vietnam Kieu Study Association.
3. Tên viết tắt tiếng Anh: VIKISA.

Điều 2. Tôn chỉ mục đích

1. Hội Kiều học Việt Nam (sau đây gọi tắt là Hội) là tổ chức xã hội - nghề nghiệp tự nguyện của các nhà nghiên cứu và những người Việt Nam yêu mến Truyện Kiều thuộc các ngành, từ văn học nghệ thuật đến khoa học xã hội, khoa học tự nhiên nhằm phát huy trí tuệ tập thể trong việc nghiên cứu và phổ cập kiến thức khoa học chuyên ngành lấy Truyện Kiều làm đối tượng nghiên cứu là ngành Kiều học, phát huy mọi giá trị và tinh hoa về văn học nghệ thuật, về văn hóa xã hội được kết tinh, hội tụ trong Truyện Kiều của đại thi hào Nguyễn Du để tôn vinh giá trị và bảo tồn di sản văn hóa quý giá của dân tộc Việt Nam.

2. Hội Kiều học Việt Nam được tổ chức và hoạt động theo quy định của pháp luật về Hội.

Điều 3. Phạm vi hoạt động

1. Hội Kiều học Việt Nam hoạt động trong phạm vi cả nước.
2. Hội hoạt động trong lĩnh vực nghiên cứu tác phẩm Truyện Kiều dưới các góc độ khoa học khác nhau, từ văn bản học, ngôn ngữ học, văn học so sánh với các bộ môn khác của khoa học xã hội, khoa học tự nhiên.

Điều 4. Địa vị pháp lý của Hội

1. Hội có tư cách pháp nhân, có trụ sở, con dấu, biểu tượng, có tài khoản riêng tại ngân hàng theo quy định của pháp luật.

2. Trụ sở chính của Hội đặt tại thành phố Hà Nội. Khi cần Hội được thành lập các tổ chức, đơn vị trực thuộc, các chi hội, chi nhánh, văn phòng đại diện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Chương II

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN VÀ NGHĨA VỤ CỦA HỘI

Điều 5. Nhiệm vụ của Hội

1. Tuyên truyền vận động, tập hợp hội viên tham gia vào các lĩnh vực tìm hiểu, nghiên cứu Truyện Kiều. Truyền bá thông tin về những thành tựu nghiên cứu tác phẩm Truyện Kiều của các nhà nghiên cứu từ trước đến nay ở trong và ngoài nước, nhằm nâng cao trình độ cảm thụ cái hay, cái đẹp của Truyện Kiều trong quảng đại quần chúng đặc biệt trong giới trẻ hiện nay. Tuyên truyền quảng bá tác phẩm Truyện Kiều thông qua các hoạt động tập thể của cộng đồng xã hội, ưu tiên đến đối tượng thanh, thiếu niên, nhằm giúp thế hệ trẻ hiểu và cảm thụ tác phẩm Truyện Kiều. Qua đó những tinh hoa và giá trị quý báu của Truyện Kiều sẽ được lưu truyền rộng rãi trong nước và bạn bè quốc tế.

2. Thực hiện công tác nghiên cứu, dịch vụ, hợp tác quốc tế, cung cấp thông tin, tư vấn, tổ chức hội nghị, hội thảo về lĩnh vực liên quan đến hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.

3. Tổ chức các lớp bồi dưỡng, hội thảo nhằm nâng cao trình độ cảm thụ tác phẩm Truyện Kiều cho hội viên và cộng đồng xã hội.

4. Tư vấn, phản biện các vấn đề thuộc phạm vi hoạt động của Hội theo đề nghị của các tổ chức và cá nhân; làm cầu nối giữa các hội viên, thành viên của Hội với các cơ quan hữu quan nhằm giải quyết các vấn đề có liên quan đến phạm vi và lĩnh vực hoạt động của Hội trong khuôn khổ pháp luật quy định.

5. Thực hiện hợp tác quốc tế về lĩnh vực nghiên cứu Truyện Kiều và mọi hoạt động phục vụ cho việc phát triển nghiên cứu Truyện Kiều theo quy định của pháp luật.

6. Nghiên cứu, chuyển thể Truyện Kiều sang các loại hình nghệ thuật khác như: Sân khấu, điện ảnh, ca kịch... nhằm tái hiện sinh động Truyện Kiều trong cộng đồng xã hội để giữ gìn và tôn vinh di sản văn hóa của dân tộc Việt Nam, đồng thời có tác dụng quảng bá Truyện Kiều rộng rãi trên toàn thế giới.

7. Đại diện và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của hội viên trong các hoạt động của Hội.

8. Hỗ trợ hội viên về các vấn đề liên quan đến hoạt động của Hội.

9. Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định của pháp luật.

10. Thiết lập quan hệ với các hội cùng lĩnh vực của nghiên cứu văn học - nghệ thuật trong và ngoài nước để Hội ngày càng phát triển và vững mạnh.

Điều 6. Quyền của Hội

1. Tổ chức, hoạt động theo Điều lệ Hội đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

2. Tuyên truyền mục đích của Hội theo quy định của pháp luật.
3. Đại diện cho hội viên trong mối quan hệ đối nội, đối ngoại có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Hội.
4. Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Hội, hội viên phù hợp với tôn chỉ, mục đích của Hội.
5. Tổ chức, phối hợp hoạt động giữa các hội viên vì lợi ích chung của hội viên, hòa giải tranh chấp trong nội bộ Hội.
6. Phổ biến, huấn luyện kiến thức cho hội viên; cung cấp thông tin cần thiết cho hội viên theo quy định của pháp luật.
7. Tham gia chương trình, dự án, đề tài nghiên cứu, tư vấn, phản biện và giám định xã hội theo đề nghị của cơ quan nhà nước, cung cấp dịch vụ công thuộc lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.
8. Thành lập pháp nhân thuộc Hội theo quy định của pháp luật.
9. Tham gia ý kiến vào các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến nội dung hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật. Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các vấn đề liên quan tới sự phát triển Hội và lĩnh vực Hội hoạt động. Được tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tổ chức các hoạt động dịch vụ khác theo quy định của pháp luật.
10. Phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan để thực hiện nhiệm vụ của Hội.
11. Được gây quỹ Hội dựa trên cơ sở hội phí của hội viên và các nguồn thu từ hoạt động kinh doanh, dịch vụ theo quy định của pháp luật để tự trang trải về kinh phí hoạt động.
12. Được nhận các nguồn tài trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật. Được Nhà nước hỗ trợ kinh phí đối với những hoạt động gắn với nhiệm vụ của Nhà nước giao.
13. Được gia nhập các tổ chức quốc tế tương ứng và ký kết, thực hiện thỏa thuận quốc tế theo quy định của pháp luật và báo cáo cơ quan quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực Hội hoạt động, cơ quan quyết định cho phép thành lập Hội về việc gia nhập tổ chức quốc tế tương ứng, ký kết, thực hiện thỏa thuận quốc tế.

Điều 7. Nghĩa vụ của Hội

1. Chấp hành các quy định của pháp luật có liên quan đến tổ chức, hoạt động của Hội và Điều lệ Hội. Không lợi dụng hoạt động của Hội để làm phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự xã hội, đạo đức, thuần phong mỹ tục, truyền thống của dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức.
2. Trước khi tổ chức Đại hội nhiệm kỳ ba mươi ngày, Ban Chấp hành Hội phải có văn bản báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Khoản 1 Điều 14 Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội (sau đây viết tắt là Nghị định số

45/2010/NĐ-CP) là Bộ Nội vụ và cơ quan quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực Hội hoạt động là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

3. Khi thay đổi Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Tổng thư ký của Hội, thay đổi trụ sở, sửa đổi, bổ sung Điều lệ, lập các pháp nhân thuộc Hội phải theo đúng quy định của pháp luật và báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Khoản 1 Điều 14 của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP.

4. Hàng năm, Hội phải báo cáo tình hình tổ chức, hoạt động của Hội với cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 14 của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP và cơ quan quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực mà Hội hoạt động, chậm nhất vào ngày 01 tháng 12 hàng năm.

5. Chấp hành sự hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc tuân thủ pháp luật.

6. Lập và lưu giữ tại trụ sở Hội danh sách hội viên, chi hội, văn phòng đại diện và các đơn vị trực thuộc Hội, sổ sách, chứng từ về tài sản, tài chính của Hội và văn phòng đại diện, biên bản các cuộc họp Ban Chấp hành Hội.

7. Kinh phí thu được theo quy định tại Khoản 11 và Khoản 12 Điều 23 của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP, phải dành cho hoạt động của Hội theo quy định của Điều lệ Hội, không được chia cho hội viên.

8. Việc sử dụng kinh phí của Hội chấp hành theo đúng quy định của pháp luật. Hàng năm, Hội báo cáo quyết toán tài chính theo quy định của Nhà nước gửi cơ quan tài chính cùng cấp và cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 14 của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP về việc tiếp nhận, sử dụng nguồn tài trợ của cá nhân, tổ chức nước ngoài.

9. Xây dựng và ban hành quy tắc đạo đức trong hoạt động của Hội.

Chương III

HỘI VIÊN

Điều 8. Tiêu chuẩn hội viên, điều kiện gia nhập và thủ tục khai trừ hội viên

1. Hội viên chính thức: Công dân Việt Nam, nhà nghiên cứu, người yêu mến tác phẩm Truyện Kiều của đại thi hào Nguyễn Du, không phân biệt tuổi tác, nghề nghiệp, trình độ, tôn giáo tán thành Điều lệ Hội tự nguyện gia nhập Hội.

2. Hội viên danh dự: Công dân Việt Nam không có điều kiện hoặc không có đủ tiêu chuẩn trở thành hội viên chính thức của Hội, tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện gia nhập Hội đều có thể trở thành hội viên danh dự của Hội. Hội viên danh dự được mời các buổi sinh hoạt thích hợp của Hội và được tham gia ý kiến về những vấn đề cần thiết khác trong hoạt động của Hội, nhưng không có quyền biểu quyết các vấn đề của Hội và không được bầu cử, ứng cử vào Ban Chấp hành Hội.

3. Điều kiện gia nhập Hội: Công dân Việt Nam muốn gia nhập Hội phải viết đơn xin gia nhập Hội và được Ban Chấp hành Hội xem xét, chấp thuận đơn

gia nhập của công dân vào Hội và được Chủ tịch quyết định kết nạp hội viên mới.

4. Thủ tục hội viên ra khỏi Hội

a) Hội viên tự nguyện xin ra khỏi Hội làm đơn gửi Ban Chấp hành Hội. Quyền và nghĩa vụ hội viên sẽ chấm dứt sau khi Ban Chấp hành Hội thông báo chấp thuận.

b) Hội viên bị khai trừ ra khỏi Hội trong các trường hợp sau:

- Hội viên bị mất quyền công dân;
- Vi phạm nghiêm trọng Điều lệ Hội;
- Làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi và uy tín của Hội;
- Không tham gia hoạt động Hội theo nghĩa vụ của hội viên đã quy định tại Điều 10 của Điều lệ này;
- Không đóng hội phí trong vòng một năm kể từ khi Hội thông báo lần hai.

Điều 9. Quyền của hội viên

1. Được tham gia mọi hoạt động của Hội.
2. Được tham dự hoặc cử người tham dự đại hội, được đề cử, ứng cử và bầu cử, biểu quyết các vấn đề của Hội theo quy định của Điều lệ.
3. Có quyền thảo luận, phê bình, trao đổi và chất vấn các tổ chức thuộc Hội và cá nhân điều hành Hội về mọi chủ trương, hoạt động của Hội.
4. Được sự hỗ trợ và giúp đỡ của Hội, trong phạm vi quyền hạn và khả năng của Hội.
5. Được cung cấp kịp thời các thông tin cần thiết về việc nghiên cứu tìm hiểu Truyền Kiền, được tham dự các buổi hội thảo, nâng cao hiểu biết về Truyền Kiền.
6. Được quyền thông qua Hội để phát biểu ý kiến đề đạt kiến nghị nguyện vọng lên cơ quan quản lý nhà nước về những vấn đề thuộc cơ chế, chính sách nhằm bảo vệ lợi ích hợp pháp của các hội viên.
7. Được khen thưởng khi có thành tích cao trong hoạt động của Hội.
8. Có quyền xin ra khỏi Hội.

Điều 10. Nghĩa vụ của hội viên

1. Thực hiện nghiêm chỉnh Điều lệ Hội, nghị quyết Đại hội và quyết định của Ban Chấp hành và Ban Thường vụ Hội.
2. Tích cực tham gia các hoạt động của Hội và sinh hoạt đều đặn trong các tổ chức của Hội.
3. Đoàn kết, hợp tác, giúp đỡ các hội viên khác để cùng nhau xây dựng tổ chức Hội ngày càng phát triển vững mạnh.
4. Đóng hội phí và các khoản thu khác đầy đủ và đúng hạn theo quy định của Điều lệ Hội và theo đúng quy định của pháp luật.

5. Cung cấp thông tin, số liệu cần thiết và kịp thời để phục vụ cho hoạt động của Hội.

6. Bảo vệ danh dự, quyền lợi của Hội và hội viên khi hoạt động nghề nghiệp và công việc khác có liên quan.

7. Không được nhân danh Hội trong các quan hệ giao dịch ngoại trừ khi thực hiện nhiệm vụ do Hội phân công.

8. Tích cực tuyên truyền và phát triển hội viên mới.

Chương IV

TỔ CHỨC CỦA HỘI

Điều 11. Nguyên tắc tổ chức và cơ cấu tổ chức của Hội

1. Hội Kiều học Việt Nam là tổ chức tự nguyện hoạt động theo nguyên tắc dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch, thảo luận để đi đến nhất trí, khi biểu quyết thì thiểu số phục tùng đa số. Mọi ý kiến và kiến nghị của hội viên đều được Hội tôn trọng xem xét và giải quyết thích hợp trên cơ sở tôn trọng Điều lệ Hội và pháp luật của Nhà nước.

2. Cơ cấu tổ chức của Hội gồm có:

a) Đại hội toàn thể hội viên;

b) Ban Chấp hành Hội;

c) Ban Thường vụ Hội;

d) Ban Kiểm tra Hội;

đ) Văn phòng và các ban chuyên môn của Hội.

Điều 12. Đại hội toàn thể hội viên, đại hội bất thường, hội nghị thường niên

1. Đại hội toàn thể hội viên là cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội, do Ban Chấp hành Hội triệu tập 05 (năm) năm một lần với sự tham gia ít nhất của trên 1/2 (một phần hai) tổng số hội viên chính thức, Đại hội có nhiệm vụ:

a) Đề ra phương hướng hoạt động của Hội và thảo luận, góp ý báo cáo kiểm điểm nhiệm kỳ của Ban Chấp hành và Ban Kiểm tra;

b) Giới thiệu, đề cử, ứng cử và bầu cử Ban Chấp hành và Ban Kiểm tra;

c) Bổ sung, sửa đổi Điều lệ Hội (nếu có);

d) Thảo luận và quyết định những vấn đề kinh tế, tài chính của Hội;

đ) Thảo luận và thông qua nghị quyết của Đại hội.

2. Đại hội bất thường: Được triệu tập khi có ít nhất 2/3 (hai phần ba) tổng số ủy viên Ban Chấp hành hoặc 1/2 (một phần hai) tổng số hội viên chính thức của Hội đề nghị.

3. Hội nghị thường niên: Căn cứ vào tình hình hoạt động cụ thể, Hội có thể tổ chức hội nghị thường niên của Hội 01 (một) năm 01 lần để tổng kết đánh giá hoạt động của Hội và phương hướng hoạt động cho năm tiếp theo.

Điều 13. Ban Chấp hành Hội

1. Ban Chấp hành Hội (viết tắt là BCH Hội) là cơ quan lãnh đạo của Hội giữa hai nhiệm kỳ Đại hội. Số lượng ủy viên BCH Hội của mỗi nhiệm kỳ do Đại hội toàn thể hội viên quyết định.

2. BCH bầu ra Chủ tịch, các Phó chủ tịch, Tổng thư ký, các Phó Tổng thư ký (nếu cần) và một ủy viên thường trực của Hội. Hoặc Đại hội thảo luận và biểu quyết các chức danh trên một lần cùng với danh sách BCH.

3. BCH có quyền tuyên chọn, bổ nhiệm và miễn nhiệm các chức danh và lãnh đạo các cơ quan trực thuộc do Hội thành lập và kiểm tra giám sát công việc của Ban Thường vụ.

4. Trong trường hợp cần thiết, nếu được 2/3 (hai phần ba) số ủy viên BCH yêu cầu thì BCH có quyền bầu bổ sung hội viên vào BCH Hội, số lượng ủy viên được bầu bổ sung không quá 10% tổng số ủy viên của BCH Hội đã được Đại hội quyết định.

5. BCH họp định kỳ 06 (sáu) tháng một lần.

6. BCH Hội hoạt động trên nguyên tắc: Tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách.

Điều 14. Ban Thường vụ Hội và cơ quan thường trực Hội

1. Ban Thường vụ gồm có: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Tổng thư ký, ủy viên thường trực, Trưởng Ban kiểm tra và một số ủy viên. Ban Thường vụ Hội có nhiệm vụ điều hành hoạt động của Hội trong thời gian giữa hai kỳ họp BCH Hội.

2. Việc bầu cử và miễn nhiệm ủy viên Ban Thường vụ phải có ít nhất trên ½ (một phần hai) tổng số ủy viên BCH Hội nhất trí bằng phiếu kín.

3. Cơ quan thường trực Hội gồm có: Chủ tịch hoặc một Phó Chủ tịch thường trực do Chủ tịch chỉ định, Tổng thư ký và ủy viên thường trực BCH.

Điều 15. Chủ tịch Hội

1. Tiêu chuẩn: Có trình độ chuyên môn trong lĩnh vực hoạt động của Hội, có bản lĩnh chính trị vững vàng, có lý lịch rõ ràng, đã đảm nhận một cương vị quản lý nhất định, có khả năng quý tụ, đoàn kết và phát huy năng lực của tập thể và cấp dưới, năng động và quyết đoán, có sức khỏe.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn:

a) Chủ tịch Hội là chủ tài khoản của Hội. Khi cần có thể ủy nhiệm cho một Phó Chủ tịch hoặc Tổng thư ký Hội thay mặt ký duyệt các chứng từ có liên quan đến hoạt động tài chính của Hội;

b) Duy trì mọi hoạt động của Hội và chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động của Hội; chủ trì các phiên họp Ban Thường vụ và Ban Chấp hành

Hội; điều hành việc triển khai nghị quyết Đại hội toàn thể hội viên và các nghị quyết của Ban Thường vụ và Ban Chấp hành Hội;

c) Chịu trách nhiệm trước Hội về chất lượng và hiệu quả công tác hoạt động của Hội;

d) Thay mặt Ban Thường vụ Hội ký các quyết định thành lập các cơ quan, tổ chức và đơn vị trực thuộc Hội, quyết định bổ nhiệm chức danh, quyết định tuyển dụng cán bộ, quyết định kết nạp hội viên mới và xóa tên hội viên, quyết định ban hành các quy chế hoạt động của Hội, quy định chế độ phụ cấp cán bộ Văn phòng Hội phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 16. Phó Chủ tịch Hội

1. Phó Chủ tịch được BCH Hội phân công có nhiệm vụ chỉ đạo một số mặt hoạt động hoặc một số tổ chức của Hội để giúp Chủ tịch trong lãnh đạo hoạt động của Hội. Khi cần Chủ tịch Hội có thể cử một Phó Chủ tịch thường trực để thay mặt Chủ tịch điều hành mọi công việc của Hội khi Chủ tịch vắng mặt, đồng thời trực tiếp chỉ đạo hoạt động của cơ quan Văn phòng Hội trong thời gian đó.

2. Các Phó Chủ tịch thực hiện chế độ thường xuyên báo cáo và xin ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch Hội.

Điều 17. Ban Kiểm tra

1. Ban Kiểm tra Hội do Đại hội toàn thể hội viên của Hội bầu bằng hình thức bỏ phiếu kín hoặc biểu quyết. Ban Kiểm tra Hội gồm có Trưởng ban, Phó Trưởng ban (nếu cần) và một số uỷ viên do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm tra là 05(năm) năm và hoạt động độc lập với BCH Hội.

2. Ban Kiểm tra Hội có nhiệm vụ giúp Ban Thường vụ thường xuyên kiểm tra việc thực hiện Điều lệ Hội, nghị quyết Đại hội toàn thể hội viên và các nghị quyết của Ban Thường vụ và Ban Chấp hành Hội, kiểm tra hoạt động của BCH và Ban Thường vụ, kiểm tra tài chính của Hội, giải quyết các đơn thư khiếu nại tố cáo có liên quan đến hội viên và các đơn vị thuộc Hội; đồng thời có văn bản báo cáo về kết quả kiểm tra và đề nghị hình thức khen thưởng hoặc kỷ luật theo quy định của Điều lệ Hội và theo quy định của pháp luật.

3. Ban Kiểm tra họp thường kỳ 03 (ba) tháng một lần và có thể họp bất thường theo đề nghị của Chủ tịch Hội và Trưởng Ban Kiểm tra. Trưởng Ban Kiểm tra có quyền đề nghị Ban Chấp hành Hội tổ chức Đại hội bất thường khi có vấn đề cấp thiết liên quan đến Hội.

Điều 18. Tổng thư ký và Văn phòng Hội

1. Tổng thư ký phải là người có phẩm chất tốt, có trình độ quản lý, có trình độ chuyên môn trong lĩnh vực hoạt động của Hội, có khả năng giao dịch và ứng xử. Tổng thư ký có nhiệm vụ giúp Chủ tịch Hội điều hành công việc hàng ngày theo nghị quyết, chương trình, kế hoạch, công tác và theo quy chế của Hội đã được thông qua.

2. Tổng thư ký là người điều hành trực tiếp mọi hoạt động của Văn phòng Hội và có những nhiệm vụ sau:

- a) Đại diện cho Văn phòng Hội trong quan hệ giao dịch hàng ngày;
- b) Quản lý danh sách, hồ sơ, tài liệu của các hội viên và các tổ chức trực thuộc do Hội thành lập. Quản lý giấy tờ, tài liệu giao dịch hàng ngày của Hội;
- c) Tổ chức, xây dựng các quy chế hoạt động của Văn phòng Hội, bao gồm cả quy chế quản lý tài chính, tài sản của Hội để trình BCH phê duyệt;
- d) Định kỳ báo cáo BCH về các hoạt động của Hội;
- đ) Chuẩn bị và dự thảo các báo cáo hàng năm và báo cáo nhiệm kỳ của BCH để trình Ban Thường vụ Hội thông qua;
- e) Chịu trách nhiệm trước BCH Hội và trước pháp luật về các hoạt động của Văn phòng Hội.

3. Văn phòng Hội hoạt động theo nội dung và nguyên tắc sau:

- a) Tổ chức bộ máy và hoạt động của Văn phòng Hội do Tổng thư ký trình BCH Hội phê duyệt;
- b) Nhân sự của Văn phòng Hội do Hội đồng tuyển dụng và Chủ tịch Hội phê duyệt;
- c) Văn phòng Hội có trách nhiệm lập và lưu giữ hồ sơ tài liệu về tổ chức hoạt động và tài chính của Hội;
- d) Cán bộ, nhân viên của Văn phòng Hội phải là những người có chuyên môn giỏi, có trách nhiệm cao, tuyển dụng qua sát hạch công khai, làm việc theo hợp đồng có thời hạn;
- đ) Văn phòng Hội xây dựng chương trình công tác (ngày, tuần, tháng) cho Ban Thường trực và Ban Thường vụ Hội; triển khai thực hiện các công việc cụ thể do Chủ tịch Hội hoặc Tổng thư ký giao như: Tổ chức hội thảo, hội nghị...;
- e) Kinh phí hoạt động hàng quý, hàng năm cho Văn phòng Hội do Tổng thư ký trình BCH duyệt và hội nghị thường niên biểu quyết phê chuẩn.

Điều 19. Các đơn vị trực thuộc Hội

1. Các đơn vị trực thuộc có pháp nhân do Ban Thường vụ xem xét từng trường hợp cụ thể để phê duyệt, thực hiện đúng quy định của pháp luật và quy định tại Điều 14 của Nghị định số 45/ 2010/ ND-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ.

2. Các cơ quan chuyên môn của Hội gồm: Hội đồng khoa học, Ban Tổ chức, Ban Phát triển hội viên, Ban Kinh tế, Ban Văn bản học, Ban Tuyên truyền - Quảng bá, Ban Đối ngoại, Bản thơ, Tạp chí. Trong quá trình hoạt động của Hội, do nhu cầu thực tế Hội có thể thành lập thêm một số cơ quan chuyên môn khác.

Chương V

TÀI SẢN, TÀI CHÍNH CỦA HỘI

Điều 20. Nguồn thu của Hội

1. Hội phí của Hội, mức thu hội phí và quản lý hội phí được thực hiện theo Quy chế do BCH Hội quy định.
2. Các khoản thu do hoạt động theo Điều lệ của Hội và các tổ chức trực thuộc Hội làm dịch vụ theo quy định của pháp luật.
3. Các khoản tiền ủng hộ hoặc tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước (nếu có).
4. Các khoản thu khác (nếu có).

Điều 21. Các khoản chi

1. Các khoản chi của Hội phải đảm bảo nguyên tắc: Đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả và đúng quy chế tài chính theo quy định pháp luật.
2. Chi cho hoạt động của Văn phòng Hội, Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra và tổ chức các kỳ đại hội.
3. Chi phí về lương, phụ cấp nhân sự phải theo chế độ chính sách đối với người làm công tác hội theo quy định của Bộ luật Lao động và quy định của pháp luật.
4. Chi phí đóng góp vào các chương trình xã hội, từ thiện.
5. Chi khen thưởng.
6. Các khoản chi phí phát sinh khác phải được thông qua Ban Thường vụ Hội.

Điều 22. Quản lý và sử dụng tài sản, tài chính

1. Tài sản của Hội được quản lý và sử dụng theo Quy chế quản lý tài sản của Hội do Chủ tịch Hội ký ban hành và theo quy định hướng dẫn của pháp luật.
2. Ban Chấp hành căn cứ vào tình hình tài chính của Hội đề xuất mức hội phí thường kỳ của hội viên và được thông qua hội nghị thường niên.
3. Ban Chấp hành quy định quy chế về quản lý, sử dụng nguồn tài chính và tài sản của Hội phù hợp với quy chế tài chính chung của Nhà nước và phải được công khai trước hội viên tại hội nghị thường niên.
4. Ban Kiểm tra có trách nhiệm kiểm tra và báo cáo tài sản, tài chính, công khai cho hội viên biết tại hội nghị thường niên.

Chương VI

KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 23. Khen thưởng

1. Hội viên có nhiều thành tích trong công tác Hội sẽ được Hội khen thưởng hoặc đề nghị các cấp khen thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua

và khen thưởng. Hội hoạt động có nhiều đóng góp cho sự phát triển văn học nghệ thuật và văn hóa xã hội của đất nước được đề nghị Nhà nước khen thưởng.

2. Ban Chấp hành Hội có nhiệm vụ quy định cụ thể thẩm quyền, thủ tục, tiêu chuẩn và hình thức khen thưởng.

Điều 24. Xử lý vi phạm

1. Hội viên vi phạm Điều lệ Hội, làm tổn hại đến danh dự và uy tín của Hội sẽ bị xử lý kỷ luật với các hình thức từ khiển trách, cảnh cáo đến xóa tên trong danh sách Hội. Hội viên vi phạm luật pháp sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Ban Chấp hành Hội có trách nhiệm quy định cụ thể trình tự, thủ tục và thẩm quyền xử lý kỷ luật theo Điều lệ Hội và quy định cụ thể của pháp luật.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 25. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội

1. Chỉ có Đại hội toàn thể hội viên của Hội Kiều học Việt Nam mới có quyền sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội.

2. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội phải được quá 1/2 (một phần hai) số đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội tán thành và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt mới có hiệu lực thi hành.

Điều 26. Hiệu lực thi hành

1. Điều lệ Hội Kiều học Việt Nam gồm 07 (bảy) Chương, 26 (hai mươi sáu) Điều đã được Đại hội toàn thể hội viên của Hội Kiều học Việt Nam lần thứ I (nhiệm kỳ 2011 – 2016) nhất trí thông qua ngày 03 tháng 11 năm 2011 tại Hà Nội.

2. Điều lệ này có hiệu lực thi hành theo Quyết định phê duyệt của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

3. Căn cứ các quy định pháp luật về Hội và Điều lệ Hội, Ban Chấp hành Hội Kiều học Việt Nam có trách nhiệm hướng dẫn cụ thể và tổ chức thực hiện Điều lệ này. / *Handwritten signature*